

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/KDTM-ST
Ngày 30-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Tấn Độ

2. Bà Lương Thị Kim Nghĩa

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Từ Ngọc Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2024/TLST - KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 439/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2024/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty K.

Địa chỉ trụ sở: đường H, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: bà Phan Thị Cẩm V, sinh năm 1988 (Giấy ủy quyền số: 288/GUQ-KK ngày 15/3/2024). (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty H

Địa chỉ: số đường I, KDC L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Mai Quốc T (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty K (sau đây gọi là Công ty K) và Công ty H (sau đây gọi là Công ty Việt H) có ký hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: 245-2022/HMC/XN1-CH STEEL (sau đây gọi là hợp đồng) ngày 11/01/2022. Hai bên thỏa thuận Công ty K bán hàng hóa là sắt thép các loại, hàng hóa sẽ được cụ thể trong từng đơn hàng. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ, thời gian thanh toán sẽ được thể hiện trong từng đơn hàng, mức lãi suất chậm trả là 13.5%/năm.

Ngày 07/4/2022 Công ty K gửi Báo giá theo nhu cầu đặt hàng cho Công ty Việt H, gồm các nội dung: thép tấm 5 x 1.200 x 4.000 (38 tờ), trọng lượng 8.949 kg, thép tấm 8 x 1.500 x 6.000 (02 tờ), trọng lượng 1.130.4 kg. Thành tiền: 229.195.212 đồng, thời gian thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Ngày 08/4/2022 Công ty K đã giao số lượng hàng hóa theo đơn đặt hàng của Công ty Việt H. Công ty K đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 46, ký hiệu 1C22TKL, ngày 08/4/2022.

Công ty Việt H đã thanh toán tiền gốc tổng cộng là 90.000.000 đồng. Cụ thể: ngày 08/4/2022 đã thanh toán được 50.000.000 đồng; ngày 29/9/2022 đã thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 30/11/2022 đã thanh toán 10.000.000 đồng; ngày 24/4/2023 đã thanh toán 10.000.000 đồng.

Ngày 31/8/2023 Công ty K và Công ty Việt H đã đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/8/2023, Công ty Việt H xác nhận còn nợ tổng cộng là 167.325.385 đồng. Trong đó, nợ gốc: 139.195.212 đồng, nợ lãi chậm trả là 28.130.173 đồng. Ngày 03/10/2023 đã thanh toán thêm 10.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 26/6/2024 Công ty Việt H còn nợ Công ty K số tiền tổng cộng là: 170.844.708 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 129.195.212 đồng; nợ lãi chậm trả là: 41.649.496 đồng. Nay yêu cầu Tòa án buộc Công ty Việt H trả số tiền 167.325.385 đồng và tiếp tục tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận là 13.5%/năm cho đến trả hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Công ty K do bà Phan Thị Cẩm V là người đại diện theo ủy quyền trình bày: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty Việt H trả nợ gốc là 129.195.212 đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là 45.645.797 đồng. Yêu cầu Công ty Việt H tiếp tục trả lãi chậm trả sau khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Công ty H do ông Mai Quốc T là người đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án chưa bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203; giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo

quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Mai Quốc T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Việt H đã được Hội đồng xét xử triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty K và Công ty H có tư cách pháp nhân, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức được lập thành văn bản. Do đó, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Về nợ gốc: theo hợp đồng mua bán hàng hóa, Công ty K và Công ty Việt H có thỏa thuận hàng hóa, số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn thanh toán được cụ thể trong từng đơn hàng và có xác nhận của hai bên. Căn cứ bảng báo giá ngày 07/4/2022 được hai bên xác nhận Công ty Việt H đã báo giá dựa trên đơn đặt hàng của Công ty Việt H, số lượng gồm: thép tấm 5 x 1.200 x 4.000 (38 tờ), trọng lượng 8.949 kg, thép tấm 8 x 1.500 x 6.000 (02 tờ), trọng lượng 1.130.4 kg, tổng số tiền là 229.193.310 đồng. Công ty K đã giao đầy đủ số lượng hàng hóa và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 46, ký hiệu 1C22TKL, ngày 08/4/2022. Công ty Việt H đã trả được tổng số tiền 100.000.000 đồng, hai bên đã đối chiếu công nợ được Công ty Việt H xác nhận còn nợ gốc là 129.195.212 đồng, cho đến nay Công ty Việt H không trả số tiền trên, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty K. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty K.

[2.3] Về nợ lãi chậm trả: Công ty K và Công ty Việt H thỏa thuận trong hợp đồng và báo giá ngày 07/4/2022, thời hạn thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận hàng, nếu quá thời hạn mà không thanh toán thì phải chịu mức lãi suất quá hạn là 13.5%/năm/tổng số tiền chưa thanh toán. Xét thấy, mức lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp theo quy định của pháp luật, Công ty Việt H vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hóa nên có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi chậm trả của Công ty K. Lãi chậm trả

được tính trên nợ gốc giảm dần từ ngày 28/4/2022 đến ngày xét xử với tổng số tiền là 45.645.797 đồng.

[4]. Xét, ý kiến và lập luận của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho Công ty K theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án ngày 20/12/2016. Công ty K không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016,

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty K:

1.1. Buộc Công ty H trả cho Công ty K số tiền tính đến ngày xét xử tổng cộng là: 174.841.009 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi một nghìn không trăm lẻ chín đồng). Trong đó, nợ gốc là: 129.195.212 đồng (một trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm mười hai đồng), lãi chậm trả là 45.645.797 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: 245-2022/HMC/XN1-CH STEEL ngày 11/01/2022 và bảng đối chiếu công nợ ngày 31/8/2023).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo thỏa thuận là 13,5%/năm.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 8.742.050 đồng (tám triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty K 4.001.890 đồng (bốn triệu không trăm lẻ một nghìn tám trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 12168 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm